

## QUYẾT ĐỊNH

Quy định về diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### QUYẾT ĐỊNH:

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

2. Diện tích đất xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp, đất trồng lúa thực hiện theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh.

2. Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam sử dụng đất nông nghiệp.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp gồm lán, trại, kho để phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản, chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động.

### **Điều 4. Diện tích đất xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi**

1. Người sử dụng đất nông nghiệp được sử dụng một phần diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

2. Tỷ lệ diện tích công trình xây dựng tối đa 0,5% tổng diện tích đất nông nghiệp khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhưng không vượt quá 500m<sup>2</sup>.

3. Điều kiện xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp

a) Không làm ảnh hưởng đến công trình thủy lợi, công trình đê điều, công trình giao thông, diện tích đất sản xuất nông nghiệp liền kề.

b) Công trình được xây dựng 01 tầng, không được xây dựng tầng hầm; công trình chỉ phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

c) Diện tích đất xây dựng công trình theo quy định tại khoản 2 Điều này được thống kê là đất nông nghiệp theo loại đất đã được xác định tại các loại giấy tờ có liên quan đất đai theo quy định.

d) Việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định quy định về diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn quản lý.

2. Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng và Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của ngành theo dõi, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kịp thời phản ánh về Sở

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 9 năm 2024.

**Điều 7.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quỳnh Thiện**